

ACCENT

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT

	Thông số kỹ thuật	1.4 MT Tiêu chuẩn	1.4 AT	1.4AT Đặc biệt
Kích thước & Trọng lượng	Kích thước tổng thể (DxRxC) (mm)	4,440 x 1,729 x 1,470	4,440 x 1,729 x 1,470	4,440 x 1,729 x 1,470
	Chiều dài cơ sở (mm)	2,600	2,600	2,600
	Khoảng sáng gầm xe (mm)	150	150	150
	Dung tích bình nhiên liệu (Lit)	45	45	45
Động cơ, Hộp số & Vận hành	Động cơ	Kappa 1.4 MPI	Kappa 1.4 MPI	Kappa 1.4 MPI
	Dung tích xi lanh (cc)	1,368	1,368	1,368
	Công suất cực đại (PS/rpm)	100/6,000	100/6,000	100/6,000
	Mô men xoắn cực đại (Nm/rpm)	132/4,000	132/4,000	132/4,000
	Hộp số	6MT	6AT	6AT
	Hệ thống dẫn động	FWD	FWD	FWD
	Phanh trước/sau	Đĩa/Đĩa	Đĩa/Đĩa	Đĩa/Đĩa
	Hệ thống treo trước	MacPherson	MacPherson	MacPherson
	Hệ thống treo sau	Thanh cân bằng (CTBA)	Thanh cân bằng (CTBA)	Thanh cân bằng (CTBA)
	Trợ lực lái	Trợ lực lái điện	Trợ lực lái điện	Trợ lực lái điện
	Thông số lốp	185/65 R15	185/65 R15	195/55 R16
	Lốp dự phòng	Vành cùng cỡ, giồng lốp chính	Vành cùng cỡ, giồng lốp chính	Vành cùng cỡ, giồng lốp chính
	Chất liệu lazang	Hộp kim nhôm	Hộp kim nhôm	Hộp kim nhôm
Ngoại thất	Cụm đèn pha (pha/cos)	Halogen Projector	Halogen Projector	Halogen Projector
	Đèn ban ngày	LED	LED	LED
	Đèn vị trí	o	o	o
	Đèn sương mù phía trước	Halogen Projector	Halogen Projector	Halogen Projector
	Cụm đèn hậu	LED	LED	LED
	Đèn phanh treo cao	o	o	o
	Đèn pha tự động (cảm biến ánh sáng)	o	o	o
	Đèn chiếu góc khi vào cua tốc độ thấp	Đèn chiếu góc	Đèn chiếu góc	Đèn chiếu góc
	Gương chiếu hậu	Chỉnh điện, gập điện, tích hợp đèn báo rẽ, có sấy		
	Gạt mưa tự động	o	o	o
	Sấy kính sau	o	o	o
	Lưới tản nhiệt mạ chrome	Đen	Đen	Đen
	Viền cửa mạ crom	o	o	o
	Chắn bùn trước & sau	o	o	o
	Ảnh ten	Vây cá mập	Vây cá mập	Vây cá mập
	Cốp mở thông minh khi đưa chìa khóa lại gần	o	o	o
	Nội thất & tiện nghi	Vô lăng bọc da	o	o
Vô lăng điều chỉnh 4 hướng		o	o	o
Cần số bọc da		o	o	o
Chất liệu ghế		Nỉ	Nỉ	Da
Màu nội thất		Đen Be	Đen Be	Đen Be
Chỉnh ghế lái		Chỉnh cơ 6 hướng	Chỉnh cơ 6 hướng	Chỉnh cơ 6 hướng
Cửa sổ điều chỉnh điện, đóng mở một chạm, chống kẹt ghế lái		o	o	o
Điều hòa		Chỉnh cơ	Chỉnh cơ	Tự động
Cửa gió điều hòa hàng ghế sau		o	o	o
Cụm đồng hồ điều khiển		Digital	Digital	Digital
Tựa đầu ba vị trí hàng ghế sau		o	o	o
Màn hình giải trí		Màn hình AVN, Hệ thống định vị dẫn đường		
Hệ thống giải trí		Bluetooth/ AUX/ Radio/ MP4/Apple Carplay/ Android Auto		
Số loa		6	6	6
Điều khiển hành trình Cruise Control		-	-	o
Cửa sổ trời		-	-	o
Khóa cửa từ xa		o	o	o
Khởi động nút bấm		-	o	o
Chìa khóa có chức năng khởi động từ xa		-	o	o
Khóa cửa tự động khi vận hành		o	o	o
Ngăn làm mát	o	o	o	
Camera lùi	o	o	o	
An toàn	Cảm biến lùi	o	o	o
	Chống bó cứng phanh ABS	o	o	o
	Phân bố lực phanh điện tử EBD	o	o	o
	Hỗ trợ lực phanh khẩn cấp BA	o	o	o
	Cân bằng điện tử ESC	o	o	o
	Hệ thống kiểm soát lực kéo TCS	o	o	o
	Kiểm soát ổn định thân xe VSM	o	o	o
	Hỗ trợ khởi hành ngang dốc HAC	o	o	o
	Đèn báo phanh khẩn cấp ESS	o	o	o
	Gương chống chói tự động (ECM)	-	-	o
	Hệ thống báo động	o	o	o
	Chìa khóa mã hóa & hệ thống chống trộm Immobilizer	o	o	o
Số túi khí	2	2	6	
Bảng tiêu thụ nhiên liệu	Ngoài đô thị (l/100km)	6.33	6.32	6.2
	Trong đô thị (l/100km)	8.25	8.53	8.52
	Hỗn hợp (l/100km)	5.24	4.99	4.86